TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST
Ngày: 02-03-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đỗ Thị A
2. Ông Lâm Văn Quốc Trọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 *tham gia phiên toà:*
Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2023 tại Tòa án nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hồ Hoàng D** – sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:
- Ông **Trần Xuân Thiên T** - sinh năm 1971 (có mặt)
Địa chỉ: đường M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bà **Nguyễn Thị Phúc H** – sinh năm 1971 (có mặt)
Địa chỉ: đường A, Phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/07/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2019, ông Hồ Hoàng D có cho ông Trần Xuân Thiên T vay số tiền 350.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông Hồ Hoàng D cùng với vợ chồng ông Trần Xuân Thiên T bà Nguyễn Thị Phúc H có hùn mua căn nhà số 46/6C (số cũ 46/20) Trần Nhân Tôn, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là 46/6C Trần Nhân Tôn). Giá mua căn nhà là 3.030.000.000 đồng. Phần hùn của ông D là 750.000.000 đồng *(bảy trăm năm mươi triệu đồng)*. Ngày 23/09/2019, từ tài khoản của ông D

số tài khoản 79701739 tại Ngân hàng TMCP Á Châu, ông D đã chuyển cho ông T, bà H 750.000.000 đồng 3 đợt với số tiền là: 500.000.000 đồng, 160.000.000 đồng và 90.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận, ông D đồng ý cho vợ chồng ông T bà H đứng tên trên Giấy chủ quyền sở hữu nhà 46/6C Trần Nhân Tôn. Vì vậy trên chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA938369 (số vào sổ cấp GCN: CS010403) do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26/05/2021, người đứng tên chủ sở hữu nhà là ông T và bà H. Sau đó, ông T và bà H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và thế chấp căn nhà này. Vào năm 2021, ông T và bà H đã lén lút bán căn nhà 46/6C Trần Nhân Tôn. Số tiền bán nhà ông T và bà H không trả lại số tiền hùn 750.000.000 đồng cho ông D mà đem trả nợ chung của ông T và bà H tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Khi ông D phát hiện sự việc bán căn nhà 46/6C Trần Nhân Tôn thì ngày 17/06/2021 ông T có ký xác nhận nợ tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng, cam kết trả cho ông D số tiền 750.000.000 đồng trong vòng 02 tuần kể từ ngày 17/06/2021 và trả số tiền 350.000.000đồng trong vòng 2 tháng kể từ ngày 17/06/2021.

Sau đó, ông D tiếp tục cho ông T có vay thêm số tiền 100.000.000 đồng. Ông T ký xác nhận nợ ngày 26/10/2021 tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng. Ông T có chuyển khoản nhiều lần trả cho ông D tổng số tiền khoản 100.000.000 đồng.

Nay, ông D chỉ yêu cầu trả số tiền 1.100.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 17/06/2021 và tiền lãi tính cho đến ngày xét xử. Cụ thể:

1. Buộc ông Trần Xuân Thiên T trả cho ông Hồ Hoàng D số tiền:

Nợ gốc: 350.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính từ ngày 18/08/2021 đến ngày 02/03/2023 là 350.000.000 đồng x 10%/năm x 18 tháng 12 ngày = 53.666.666 đồng.

Tổng cộng là 403.666.666 đồng *(bốn trăm lẻ ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)*, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc ông Trần Xuân Thiên T và bà Nguyễn Thị Phúc H liên đới trả cho ông Hồ Hoàng D số tiền:

Nợ gốc: 750.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính từ ngày 02/07/2021 đến ngày 02/03/2023 là 750.000.000 đồng x 10%/năm x 20 tháng = 125.000.000 đồng.

Tổng cộng là 875.000.000 đồng *(tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng)*, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn tường trình ngày 25/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Trần Xuân Thiên T trình bày:

Vào năm 2019, ông T có vay của ông D số tiền 350.000.000 đồng;

Ngày 23/09/2019, ông D có hùn với ông T số tiền 750.000.000 đồng tiền để mua căn nhà 46/6C Trần Nhân Tôn, chuyển khoản 3 đợt số tiền là: 500.000.000 đồng, 160.000.000 đồng và 90.000.000 đồng.

Căn nhà 46/6C Trần Nhân Tôn được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA938369 (số vào sổ cấp GCN: CS010403) do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26/05/2021, người đứng tên chủ sở hữu nhà là ông T và bà H. Sau đó, ông T và bà H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và thế chấp căn nhà này. Vào ngày 02/06/2021, ông T và bà H có bán căn nhà này cho bà Trần Thị Kim L, với giá 2.500.000.000 đồng, số tiền bán nhà dùng để trả tiền Ngân hàng, trả tiền dịch vụ hoàn công và trả cho một số người làm ăn chung.

Vào ngày 17/06/2021 ông T có ký xác nhận nợ tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng, cam kết trả cho ông D số tiền 750.000.000 đồng trong vòng 02 tuần kể từ ngày 17/06/2021 và trả số tiền 350.000.000đồng trong vòng 2 tháng kể từ ngày 17/06/2021.

Sau đó, ông T có vay thêm ông D số tiền 100.000.000 đồng. Ông T ký xác nhận nợ ngày 26/10/2021 số tiền tổng cộng là 1.200.000.000 đồng. Ông T có chuyển khoản nhiều lần trả cho ông D tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

Nay, ông T xác nhận chỉ còn nợ ông D số tiền 1.100.000.000 đồng *(một tỷ một trăm triệu đồng)*. Ông T sẽ tự chịu trách nhiệm trả hết số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi cho ông D. Ông T không đồng ý việc bà H liên đới trả chung số tiền nợ 750.000.000 đồng. Do vướng vào dịch bệnh, làm ăn thua lỗ nên ông T xin trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* và tiền lãi cho đến khi trả xong số nợ trên.

Tại tờ tự khai ngày 03/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị Phúc H trình bày:

Đối với số tiền 350.000.000 đồng, ông D chỉ yêu cầu ông T, bà H khai không liên quan đến số nợ này, ông T nợ ông D thì ông T tự trả.

Đới với số tiền 750.000.000 đồng là tiền góp mua căn nhà 46/6C Trần Nhân Tôn, ông Hồ Hoàng D yêu cầu ông T và bà H liên đới trả nợ, bà H khai không liên quan đến bất cứ vấn đề về tiền bạc giữa ông D và ông T. Nên bà H không có nhiệm vụ trả nợ chung với ông T cho ông D. Bà H có đứng tên chung với ông T căn nhà 46/6C Trần Nhân Tôn là do thời điểm đó bà H và ông T là vợ chồng hợp pháp, còn sự việc ông T vay mượn tiền để mua bán nhà cho ai bà H hoàn toàn không biết. Số tiền ông T bán nhà 46/6C Trần Nhân Tôn bà H cũng không biết và không dính líu gì, ông T không đưa tiền bán nhà cho bà H.

Bà H không liên quan đến việc vay tiền giữa ông T và ông D nên bà H cũng không đồng ý trả tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Ông T và bà H vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Ông T đã thừa nhận có vay của ông D số tiền 350.000.000 đồng. Đồng thời, ông D cũng xác nhận có cho ông T vay riêng số tiền 350.000.000 đồng. Ông T và ông D cùng thống nhất số tiền này không liên quan đến nghĩa vụ của bà H. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật HNGĐ thì đây là nghĩa vụ riêng của ông T. Căn cứ Điều 280, khoản 1, khoản 2 Điều 466, khoản 2 Điều 468 BLDS, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Trần Xuân Thiên T trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và nợ lãi, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 37 Luật HNGĐ thì nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng bao gồm *"Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung",* ông T đã thừa nhận có nhận của ông D số tiền 750.000.000 đồng để hùn mua căn nhà 46/6c Trần Nhân Tôn, do đó, việc định đoạt đối với tài sản chung là căn nhà 46/6c Trần Nhân Tôn đã làm phát sinh nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng ông T, bà H trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, căn cứ theo Điều 280, khoản 1, khoản 2 Điều 466, khoản 2 Điều 468 BLDS, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Xuân Thiên T và bà Nguyễn Thị Phúc H liên đới trả cho nguyên đơn số tiền: nợ gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí dân sự: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, bà H hiện đang cư trú tại Quận 10 và biên nhận nợ ngày 17/06/2021 do ông Trần Xuân Thiên T ký thì các bên thỏa thuận địa chỉ của ông T là Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về yêu cầu đương sự:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu ông Trần Xuân Thiên T trả số tiền vay 350.000.000 đồng và tiền lãi:

Về số tiền nợ gốc: Căn cứ vào lời khai, sự thừa nhận của các bên đương sự là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào năm 2019, ông Hồ Hoàng D có cho ông Trần Xuân Thiên T vay số tiền 350.000.000 đồng. Sau đó ông T có xác nhận nợ vào ngày 17/06/2021 và trả trong vòng 2 tháng. Căn cứ khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông D yêu cầu ông T trả lại số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về số tiền nợ lãi: Căn cứ vào khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 thì ông D yêu cầu ông T trả tiền lãi kể từ ngày 18/08/2021 đến ngày 02/03/2023 là 350.000.000 đồng x 10%/năm x 18 tháng 12 ngày = 53.666.666 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D. Do đó, ông D yêu cầu tòa án buộc ông T phải thanh toán tổng số tiền gốc và tiền lãi là 403.666.666 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu ông Trần Xuân Thiên T và bà Nguyễn Thị Phúc H cùng liên đới trả số tiền 750.000.000 đồng và tiền lãi:

- Về số tiền nợ gốc:

Ông Hồ Hoàng D yêu cầu ông Trần Xuân Thiên T và bà Nguyễn Thị Phúc H cùng liên đới trả số tiền 750.000.000 đồng.

Ông T đồng ý chịu trách nhiệm một mình trả cho ông D số tiền 750.000.000 đồng và tiền lãi. Bà H không đồng ý cùng với ông T trả số tiền nợ gốc và lãi cho ông D.

Hội đồng xét xử xét thấy,

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời thừa nhận của ông T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào kết quả trả lời xác minh của Ngân hàng TMCP Á Châu – Phòng giao dịch Cống Quỳnh, Chi nhánh Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông D đã chuyển cho ông T 3 đợt với số tiền là: 500.000.000 đồng, 160.000.000 đồng và 90.000.000 đồng, tổng cộng là 750.000.000 đồng với mục đích hùn mua nhà và đất tại địa chỉ số 46/6C Trần Nhân Tôn, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng ngày, ông T và bà H có ký hợp đồng mua căn nhà 46/6C Trần Nhân Tôn theo hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 12327 lập tại Văn phòng công chứng Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 18/10/2019, ông T và bà H được cấp nhật tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2913/2008/UB.GCN ngày 16/06/2008.

Căn cứ Công văn số 366/5/CNQ10 ngày 06/12/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận 10 và Công văn về việc phúc đáp xác minh số 49/CN5-P.TH ngày 06/02/2023 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Ngày 08/10/2019 bà Nguyễn Thị Phúc H - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Phúc H có ký hợp đồng cho vay hạn mức số 221/2019-HĐCVHM/NHCT920 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh; ngày 18/6/2020 ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay; ngày 05/01/2021 tái ký hợp đồng hạn mức số 337/2020-HĐCVHM/NHCT920 đều với mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh bán lẻ quần áo may sẵn. Để đảm bảo cho các khoản vay này thì ngày 23/10/2019, ông T bà H đã sử dụng nhà và đất tại địa chỉ số 46/6C Trần Nhân Tôn thế chấp cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp số 234/2019/HĐBD/NHCT290. Đến ngày 26/05/2021, ông T và bà H được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS010403. Ngày 02/06/2021, ông T và bà H bán tài sản nêu trên cho bà Trần Thị Kim L. Như vậy, có sự việc ông T sử dụng số tiền 750.000.000 đồng mà ông D chuyển vào ngày 23/09/2019 để ông T và bà H tạo lập tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là mua nhà và đất tại địa chỉ số 46/6C Trần Nhân Tôn. Việc bà H khai không liên quan đến bất cứ vấn đề về tiền bạc giữa ông D và ông T nên không đồng ý trả nợ chung là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 27, Điều 33 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D và buộc ông T bà H phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ cho ông D số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng.

- Về số tiền nợ lãi: Căn cứ vào khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 thì ông D yêu cầu ông T và bà H cùng liên đới trả tiền lãi kể từ ngày 02/07/2021 đến ngày 02/03/2023 là 750.000.000 đồng x 10%/năm x 20 tháng = 125.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ông T và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D. Do đó, ông D yêu cầu tòa án buộc ông T và bà H phải thanh toán tổng số tiền gốc và tiền lãi là 875.000.000 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của ông D được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán là 403.666.666 đồng *(bốn trăm lẻ ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)*.

Do yêu cầu của ông D được chấp nhận nên ông T và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán 875.000.000 đồng *(tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 33 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2022).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Xuân Thiên T có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Hoàng D số tiền là **403.666.666** đồng *(bốn trăm lẻ ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)*, trong đó: nợ tiền gốc là 350.000.000 đồng, nợ tiền lãi đến ngày là 02/03/2023 là 53.666.666 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Trần Xuân Thiên T và bà Nguyễn Thị Phúc H liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Hoàng D số tiền là **875.000.000** đồng *(tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng)*, trong đó: nợ tiền gốc là 750.000.000 đồng, nợ tiền lãi đến ngày 02/03/2023 là 125.000.000 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Xuân Thiên T phải chịu án phí là 20.146.667 đồng *(hai mươi triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)* và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Trần Xuân Thiên T và bà Nguyễn Thị Phúc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.250.0000 đồng *(ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi đồng)* và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho ông Hồ Hoàng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.470.000 đồng *(hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi lăm đồng)* theo biên lai thu số AA/2021/0019019 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân